

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 208/2023/DS-PT

Ngày 19- 6 - 2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Tuyết.

*Các thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Thu Trang, ông Nguyễn Văn Bằng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị K1 Chi – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 103/2023/DS – PT ngày 08/5/2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án sơ thẩm số: 04/2023/DS-ST, ngày 10/02/2023 của Tòa án nhân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 128/2023/QĐ-PT, ngày 17 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Diệu H; địa chỉ: 827 HV, phường TA, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt);

- Bị đơn: Ông Trần Văn S; địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện B1, tỉnh Đắk Lắk (có mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của: ông Trần Văn S: Ông Lê Huy H1. Địa chỉ: Phường T, thành phố B2, tỉnh Đắk Lắk (có mặt);

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ; địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện B1, tỉnh Đắk Lắk (có mặt);

+ Văn phòng công chứng Phạm Đình T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Đình T – Chức vụ: Trưởng văn phòng; Địa chỉ: TL 2, xã Đ1, huyện B1, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt);

+ Ông Nguyễn Đăng T1 – Công chứng viên Văn phòng công chứng Phạm Đình T (vắng mặt);

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Trần Thị Diệu H.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

#### ***Người đại diện theo uỷ quyền cho bà H trình bày:***

Do có quan hệ quen biết nên vào ngày 10/4/2019, bà H có cho ông S vay số tiền 600.000.000 đồng, hai bên có lập giấy vay tiền cùng ngày 10/4/2019. Thỏa thuận thời hạn vay là 15 ngày, mục đích vay tiền là để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, giấy vay tiền được công chứng tại Văn phòng công chứng Phạm Đình T. Đến nay, mặc dù đã quá hạn trả nợ, bà H đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông S không chịu trả nợ. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu ông S phải trả số tiền nợ gốc 600.000.000 đồng.

Về lãi suất: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu ông S phải trả tiền lãi với mức lãi là 1,5%/ tháng, tính từ ngày 10/4/2019 đến ngày 10/10/2020, số tiền lãi là 162.000.000 đồng. Tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 10/4/2019 đến ngày xét xử xong vụ án, mức lãi suất là 10%/năm.

***Nguyên đơn bà Trần Thị Diệu H trình bày:*** Việc ông S cho rằng không có việc vay tiền, không nhận tiền vay là không có căn cứ, vì chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền đã được giám định và đã có kết luận giám định xác định chữ ký, chữ viết là của ông S. Việc ông S cho rằng, do chị H1 nhờ đứng tên thay đổi với 02 thửa đất nên ông S đến Văn phòng công chứng để làm thủ tục chuyển nhượng bị bà H và công chứng viên của Văn phòng công chứng lừa ký vào giấy vay tiền là không có căn cứ, vì giấy vay tiền ngày 10/4/2019 đã thể hiện chữ ký, chữ viết trên giấy vay tiền là của ông S.

Đối với ý kiến của người làm chứng liên quan đến việc mua đất của ông S thì việc mua bán đất diễn ra giữa họ đã xong, không liên quan đến việc vay tiền nên không đồng ý với ý kiến của những người làm chứng.

Về chứng cứ liên quan đến nội dung tin nhắn, đoạn ghi âm do bị đơn cung cấp ngày 20/12/2022, tôi đã có bản giải trình thể hiện nội dung trong quá trình giải quyết vụ án ông S đã tìm nhiều lý do để kéo dài thời gian nhằm mục đích tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, đến đầu năm 2022 thì ông S đã bán xong lô đất ở xã CN, huyện B1, tại thời điểm trên ông S chỉ còn tài sản là lô đất tại thị xã Buôn Hồ là tài sản bảo đảm bị Ngân hàng xử lý để thu hồi nợ, nếu thi

hành án xử lý tài sản trên thì ông S sẽ không còn tài sản khác để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án. Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích cho bà H cũng như để nhanh chóng kết thúc vụ án vào lúc 7 giờ 57 phút ngày 24/02/2022, bà H có dùng số điện thoại cá nhân 0977512623 nhắn tin cho ông S với nội dung: *Chị là chị H, không phải Ngân hàng. Hôm qua Ngân hàng hẹn em xuống để em giao đất cho thi hành án, nhưng chị xin họ để sáng nay, vợ chồng em giao cho chị và chị xóa nợ cho em, chứ em có làm đơn gửi khắp nơi thì cuối cùng em vẫn phải trả cho chị 600 triệu và tiền lãi, đó là sự thật, do em bị lừa nên em không tin chị thôi, nếu nghĩ thấy đúng thì gọi lại cho chị, chị báo sau này em khỏi oán chị.*

Sau khi nhận tin nhắn trên ông S có gọi điện lại cho bà H để thỏa thuận về việc bà H sẽ trả nợ vào Ngân hàng cho ông S, sau đó ông S giao lô đất tại thị xã Buôn Hồ cho bà H để bà H rút đơn khởi kiện, nhưng do có công việc bận nên bà H đã hẹn lại ngày 25/02/2022 sẽ đến Tòa án để làm việc. Đến ngày 25/02/2022 thì được thông báo ông S còn nợ Ngân hàng số tiền 550.000.000 đồng gốc và lãi số tiền này gần bằng giá trị thực tế của lô đất nên bà H không tiếp tục thỏa thuận trên với ông S.

Khi ông S cung cấp 02 đoạn ghi âm thì bà H xác định đó là giọng nói của bà H, đây là cuộc gọi thỏa thuận về việc bà H sẽ giao tiền cho Ngân hàng để xóa nợ cho ông S và ông S giao đất cho bà H để tôi xóa nợ rút đơn khởi kiện, nhưng ông S cố tình kéo dài quá trình giải quyết vụ án bằng cách gây hiểu nhầm về nội dung vụ án khi cung cấp đoạn tin nhắn và đoạn ghi âm.

Thứ nhất, vì tin nhắn và đoạn ghi âm trên là vào thời điểm ngày 24/02/2022, tuy nhiên đến ngày xét xử 17/11/2022 thì ông S mới cung cấp cho Tòa án là để kéo dài thời gian giải quyết vụ án, nhằm tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho bà H.

Thứ hai, ông S cho rằng nội dung tin nhắn có đoạn viết “*em bị lừa*” mà bà H nhắn cho ông S là tôi thừa nhận bà H và mọi người lừa đảo ông S, đây là do ông S bịa đặt và vu khống cho bà H. Bởi vì vào đầu năm 2022 Tòa án tạm ngừng giải quyết vụ án và đợi kết quả giải quyết của cơ quan Công an liên quan đến đơn trình báo của ông S về việc ông A, bà H1 lừa ông S đứng tên hai thửa đất để vay mượn ngân hàng sau đó bỏ trốn khỏi địa phương nhưng bà H không biết nội dung cụ thể là gì. Vì vậy bà H mới nhắn tin cho ông S rằng “*Do em bị lừa nên em không tin chị thôi*”, mặt khác chính trong đoạn ghi âm mà ông S cung cấp cho Tòa án ông S cũng thừa nhận “*Chứ em bị lừa nhiều lắm, tội lắm, bị lừa khắp nơi*”.

Thứ ba, trong cuộc gọi cho ông S, bà H rất nhiều lần nói với ông S rằng “*em không lấy thì tiền đâu em mua 02 lô đất*”, “*em không mượn tiền chị nhưng*

*chị đưa tiền mua 02 lô đất đứng tên em là tiền của chị, khi chị đưa tiền thì buộc em phải ký giấy, em ký giấy mới có 02 lô đất”, “Nhà trong Nguyễn Thị Minh Khai là chị cho em mượn tiền, chị đưa sáu trăm triệu thì bắt viết giấy sáu trăm triệu”.* Việc vay mượn tiền giữa bà H và ông S là hoàn toàn có thật, nếu bà H không đưa tiền hoặc đưa tiền cho người khác thì ông S có ký giấy vay tiền hay không. Việc ông S cho rằng không có mối quan hệ thân thiết với ông A, bà H1, không nhận bất kỳ lợi ích gì về việc đứng tên, thì ai có thể cho một người không có mối quan hệ gì đứng tên 02 lô đất trị giá hơn 01 tỷ đồng sau đó bỏ trốn khỏi địa phương.

Thứ tư, trong đoạn ghi âm trên, bà H thỏa thuận liên quan đến việc bà H sẽ đưa tiền cho Ngân hàng để Ngân hàng xóa nợ cho ông S và ông S bàn giao đất cho bà H, không có câu nói nào giữa bà H và ông S liên quan đến việc giao tiền khi vay mượn. Còn việc sau khi nhận tiền của bà H thì ông S đưa tiền cho ai, có sử dụng tiền số tiền trên vào mục đích gì thì bà H không biết.

Tại phiên tòa bà H xác định, có sự việc cho ông S vay số tiền 600.000.000 đồng tại Văn phòng công chứng Phạm Đình T. Sau khi ông S ký giấy vay tiền thì tôi đưa tiền cho ông S, công chứng viên là ông Nguyễn Đăng T1 không chứng kiến việc giao tiền, việc ký giấy vay, giao tiền diễn ra gần cùng lúc, sau đó ông S đưa giấy vay tiền cho công chứng viên ký, thời điểm đó là khoảng đầu giờ trưa. Bà H không quen ông A, bà H1 mà chỉ biết họ có đến Văn phòng công chứng làm thủ tục đất. Đối với tin nhắn là do bà H nhắn cho ông S có nội dung như nêu trên, thì cách đây 2, 3 năm, ông S có nói là được người khác nhờ mua đất giúp, thế chấp đất vay ngân hàng rồi sau đó bỏ đi, ông S tưởng tôi là đại diện Ngân hàng, còn việc ông S bị ai lừa, lừa việc gì thì tôi không biết.

Nội dung đoạn ghi âm là cuộc trao đổi với ông S, có các đoạn như: *Bây giờ chị nói ri ...* thì do ông S nói là mua đất, 01 lô ở CN, 01 lô ở thị xã Buôn Hồ, tôi không biết ông S mượn tiền ai để mua. Nội dung *chị đưa tiền cho người ta ...* đây là trao đổi liên quan đến việc tôi muốn lấy nợ nhanh chóng, sắp xếp trả nợ. Mục đích là lấy đất tại Ngân hàng, tiền tôi đưa cho ông S, ông S đưa cho người ta cũng như là tôi đưa.

Đối với việc ông S nói tôi không biết nhà ông S thì tôi chưa đến nhà ông S nhưng có đến tại xưởng gỗ ở CN. Trong giấy tiền tôi không ký, vì tôi là người cho vay nên tôi không cần thiết phải ký, sau khi trao đổi việc vay tiền tôi đã nhờ nhân viên Văn phòng soạn và sau khi thống nhất ông S ký tên, ngoài ra thì mẫu giấy vay tôi cũng luôn có nhưng không phải lúc nào người vay cũng phải điền thông tin. Tôi cho nhiều người vay nên những việc như ai phải điền vào giấy vay, hay soạn sẵn thì cũng không thể nhớ hết được.

Tôi yêu cầu ông S trả cho tôi số tiền 600.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày vay đến ngày hôm nay theo quy định của pháp luật.

***Bị đơn ông Trần Văn S trình bày:***

Tôi không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, vì tôi không quen biết bà H, tôi không vay số tiền 600.000.000 đồng và không nhận tiền vay từ bà H. Tôi xác định tôi chỉ ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Văn phòng công chứng Phạm Đình T chứ không ký giấy tờ có nội dung vay tiền như bà H trình bày. Còn nội dung kết luận giám định là chữ ký, chữ viết tên của tôi thì do Văn phòng công chứng Phạm Đình T là của chồng bà H nên công chứng viên là ông Nguyễn Đăng T1 lừa tôi khi tôi ký hợp đồng chuyển nhượng đất. Thực tế khoảng đầu năm 2019, sau một lần bán gỗ cho chị H1, tôi được chị H1 thuê làm việc tại xưởng gỗ của chị H1, khoảng tháng 4/2019 chị H1 và ông A nhờ tôi đứng tên hộ 02 thửa đất, đó là thửa đất số 85, tờ bản đồ số 156, diện tích 548,2m<sup>2</sup>, trong đó có 300m<sup>2</sup> đất thổ cư, địa chỉ đất tại xã CN, huyện Krông Búk và thửa đất số 115, tờ bản đồ số 4, diện tích 113,9m<sup>2</sup>, địa chỉ đất tại phường AN, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, lý do bà H1 nhờ tôi đứng tên là do bà H1 sợ nếu đứng tên nhiều thửa đất cùng một lúc sẽ bị người khác để ý nên tôi đồng ý. Đến khoảng tháng 4/2019 trong hai ngày khác nhau, tôi có đến văn phòng công chứng Phạm Đình T cụ thể:

*Lần thứ nhất:* Vợ chồng tôi có lên Văn phòng công chứng Phạm Đình T để làm thủ tục đứng tên quyền sử dụng đất cho chủ xưởng mộc là bà Nguyễn Thị H1 và tên chồng tên A, ông A thì tôi không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể. Họ đều cư trú tại: Buôn Kđrô 2, xã CN, huyện B1, tỉnh Đắk Lắk, sau khi thủ tục xong thì vợ chồng tôi đi về.

*Lần thứ hai:* Sau khoảng một thời gian làm ăn, bà H1 có nhờ vợ chồng tôi đứng tên tiếp trên bìa đồ thứ hai là lô đất ở thị xã Buôn Hồ, vợ chồng tôi đồng ý và đã đến Phòng công chứng Phạm Đình T làm thủ tục, sau khi xong thủ tục thì vợ chồng tôi về. Như vậy, tôi và vợ đến văn phòng công chứng phạm Đình Thảo để ký thủ tục đứng tên giúp cho ông A, bà H1, mọi thủ tục đều do bà H1, ông A và văn phòng công chứng chuẩn bị sẵn từ trước, khi đến văn phòng công chứng vợ chồng tôi ký theo sự hướng dẫn của nhân viên Văn phòng công chứng, quá trình ký thủ tục thì tôi chỉ gặp chủ thửa đất ở B là anh T2, còn chủ thửa đất ở CN là ai, thì tôi không gặp và không biết là ai. Việc mua bán giữa người bán đất và bà H1 họ thỏa thuận giá bao nhiêu, trả tiền như thế nào thì tôi không biết vì tôi không phải người trả tiền, tôi cũng không biết người bán đất là ai, cư trú tại đâu, sự việc đã có các chủ đất là ông H3 và anh T2 cũng thừa nhận, người đứng ra

giao dịch mua đất với ông H3 là ông A, bà H1 không phải vợ chồng tôi. Hiện nay ông A, bà H1 đã bỏ đi đâu chúng tôi không biết và không liên lạc được.

Đến ngày 13/5/2019 thì bà H1 và ông A lại tiếp tục nhờ vợ chồng tôi đến Ngân hàng Agribank chi nhánh Hòa Thuận Bắc Đắk Lắk để tiến hành thủ tục thế chấp hai thửa đất nêu trên để vay số tiền 700.000.000 đồng, do giá trị thực tế hai thửa đất không đủ để vay số tiền trên nên bà H1, ông A yêu cầu tôi đứng tên thêm hộ kinh doanh dưới danh nghĩa vay vốn để nuôi dê, các thủ tục vay vốn, nhận tiền và trả lãi hàng tháng đều do bà H1 và ông A thực hiện vợ chồng tôi chỉ đứng tên vay hộ, không nhận bất kỳ khoản tiền nào, tôi và bà H1 cũng không có thỏa thuận gì về việc tôi được hưởng lợi nhuận từ việc đứng tên hộ hai thửa đất nêu trên.

Đến năm 2020 nghe tin bà H1 bỏ đi tôi có liên lạc thì được biết họ đi Huế làm ăn sau đó không còn liên lạc được. Vì khoản vay tôi đứng tên vay giúp bà H1 và ông A đã quá hạn trả nợ 2, 3 tháng, nên đại diện Ngân hàng đã gặp và động viên tôi trả nợ để lấy hai thửa đất về nhưng tôi không có tiền và cũng không có ý định lấy đất vì không phải đất của tôi. Một thời gian sau Tòa án thông báo về việc Ngân hàng khởi kiện tôi và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thanh toán khoản vay mà tôi đứng tên hộ bà H1 và ông A, tôi đã đồng ý trả nợ, đồng ý xử lý tài sản thế chấp để thanh toán nợ và sự việc vay tiền Ngân hàng đã giải quyết xong tại Tòa án nhân dân huyện Krông Búk.

Một vài ngày sau có người gọi điện cho tôi về việc mua đất và hẹn tôi gặp ở thị xã Buôn Hồ, tôi được dẫn đến gặp bà H, đây là lần đầu tiên tôi gặp bà H, khi đó bà H hỏi về khoản nợ mà tôi đứng ra vay ở Ngân hàng, đồng thời thông báo cho tôi biết là tôi có vay của bà H số tiền 600.000.000 đồng, bà H hứa cho tôi vay số tiền 800.000.000 đồng để trả nợ cho Ngân hàng để lấy giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất ra để bà H bán và yêu cầu tôi viết giấy vay nợ tổng là 1,4 tỷ, nếu sau này bán đất trừ đi 1,4 tỷ dư bao nhiêu thì bà H đưa cho tôi số dư, nhưng tôi cảm thấy bà H chỉ có ý định gặp mặt tôi để cho vay tiền lấy lãi nên tôi đi về.

Đến năm 2021 tôi được Tòa án thông báo về việc bà H khởi kiện yêu cầu tôi phải trả số tiền vay 600.000.000 đồng và 162.000.000 đồng tiền lãi, trong khi tôi không vay tiền của bà H khi nào, không nhận tiền vay. Quá trình làm việc tại Tòa án bà H cung cấp một tờ giấy vay tiền có chữ ký của tôi và có kết luận giám định đúng chữ ký của tôi. Do tôi không vay và ký giấy vay tiền bà H nhưng bà H lại cung cấp tài liệu thể hiện nội dung tôi có vay của bà H 600.000.000 đồng nên tôi đã làm đơn tố cáo, yêu cầu cơ quan điều tra Công an huyện Krông Búk xác minh làm rõ. Thực tế vợ chồng tôi chỉ đứng hộ tên hai thửa đất và đứng tên

vay nợ ở ngân hàng nhưng đến nay bà H1 và ông A bỏ đi nên vợ chồng tôi phải đứng ra gánh khoản vay ngân hàng.

Bà H khởi kiện và cho rằng tôi vay số tiền 600.000.000 đồng là không có thật, vợ chồng tôi chỉ đến Văn phòng công chứng Phạm Đình T để ký các thủ tục đứng tên đất giúp cho bà H1, ông A tôi không ký giấy vay tiền như bà H khởi kiện. Hơn nữa vào ngày 10/4/2019 tôi vẫn có mặt làm việc tại xưởng gỗ ở Buôn Kđrô 2, xã CN có những người làm cùng là ông C1, anh K1, anh T3 chứng kiến nên tôi không thể có mặt tại văn phòng công chứng vào ngày 10/4/2019 để ký giấy vay tiền. Ngoài ra, với số tiền vay lớn như vậy nếu tôi có vay thật thì phải có vợ tôi cùng ký giấy vay tiền chứ không thể chỉ có tôi ký. Ngoài ra thì giấy vay tiền cũng không có bà H ký nên giấy vay tiền là không đúng.

Đối với các chứng cứ là nội dung tin nhắn ngày 24/02/2022 và nội dung ghi âm cuộc gọi tôi cung cấp cho Tòa án đã thể hiện các nội dung: “*em bị lừa*” lúc đó tôi chẳng bị ai lừa mà tôi đã trình báo, tố cáo vào ngày 04/01/2022 về việc bà H và Văn phòng công chứng Phạm Đình T, công chứng viên đã lừa tôi ký vào giấy nợ, nội dung tin nhắn thể hiện bà H đã thừa nhận bà và mọi người cố tình lừa tôi.

Đối với nội dung cuộc gọi do tôi ghi âm, được bà H thừa nhận, có các nội dung bà H nói “*em không mượn tiền chị nhưng chị đưa tiền mua 02 lô đất đứng tên em là tiền chị*”, “*chị đưa tiền cho người ta*”, “*nhà em gần Tòa án à*”, các nội dung này đều chứng minh tôi không hề vay tiền hay nhận tiền của bà H nên việc bà H khẳng định đã trực tiếp đưa tiền cho tôi tại Văn phòng công chứng Phạm Đình T là hoàn toàn không đúng sự thật. Ngoài ra bà H khai tại Tòa án là đến nhà tôi đòi nợ nhiều lần nhưng thực tế bà H không biết và chưa bao giờ đến nhà tôi vì thực tế tôi không vay tiền của bà H.

Ngoài ra còn có nội dung “*Bây chừ chị nói ri, chị nói với anh Thảo á, thằng S không hề biết gì cả chẳng qua nói mượn tiền mình, nó đứng tên đất cho con H1 thôi, nên giờ á, lô đất này chị nói em nghe này, chẳng qua em nói em không biết, nhưng khi chị đưa tiền cho người ta thì chị biểu em là mày đứng lô đất, mày phải viết giấy, chứ nhà trong Nguyễn Thị Minh khai là chị cho em mượn tiền*”, đoạn nói chuyện này là bà H đang nói về vấn đề ký đất tại văn phòng công chứng chứ không hề nói về trao đổi với Ngân hàng như bà H trình bày là hoàn toàn sai sự thật.

Quá trình giải quyết vụ án bà H khai sau khi tôi ký giấy vay tiền thì bà H trực tiếp đưa tiền mặt cho tôi tại văn phòng công chứng Phạm Đình T, trong khi trước đó bà H đã khai tại Tòa án là đưa tiền rồi tôi mới ký vào giấy vay tiền, bà

H cũng nói không có ai làm chứng. Vì vậy, hai lời khai của bà H tại Tòa án và đơn giải trình của bà H là hoàn toàn trái ngược nhau và đang cố gắng biện minh, che đậy hành vi lừa đảo của mình và Văn phòng công chứng Phạm Đình T. Ngoài ra lời khai của ông T1 cho rằng chỉ chứng thực chữ ký của tôi là hoàn toàn trái ngược với lời khai của bà H, trong khi tôi không biết hay từng gặp ông T1.

Tất cả việc làm của bà H, Văn phòng công chứng Phạm Đình T và ông T1 là trái quy định của pháp luật, vì tại khoản 4, Điều 3 của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của chính phủ đã quy định: *Hợp đồng, giao dịch được chứng thực theo quy định của Nghị định này có giá trị chứng cứ chứng minh về thời gian, địa điểm các bên đã ký kết hợp đồng, giao dịch; năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện, chữ ký hoặc dấu điểm chỉ của các bên tham gia hợp đồng giao dịch.*

Việc chứng thực giấy vay tiền là trái quy định tại khoản 8 Điều 40 Luật công chứng 2014, đó là: *Người yêu cầu công chứng đồng ý toàn bộ nội dung trong dự thảo hợp đồng, giao dịch thì ký vào từng trang của hợp đồng, giao dịch, công chứng viên yêu cầu người yêu cầu công chứng xuất trình bản chính của các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này để đối chiếu trước khi ghi lời khai, ký vào từng trang của hợp đồng, giao dịch.*

Tại khoản 3 Điều 41 Luật công chứng năm 2014 quy định: *Người yêu cầu công chứng phải tự đọc dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc công chứng viên đọc cho người yêu cầu công chứng nghe. Trường hợp người yêu cầu công chứng đồng ý toàn bộ nội dung trong dự thảo hợp đồng, giao dịch thì ký vào từng trang của hợp đồng, giao dịch, công chứng viên yêu cầu người yêu cầu công chứng xuất trình bản chính của các giấy tờ quy định khoản 1 Điều này để đối chiếu trước khi ghi lời chứng, ký vào từng trang của hợp đồng, giao dịch.*

Từ những quy định trên việc bà H không ký giấy vay tiền là vi phạm pháp luật và giấy vay tiền là không có giá trị pháp lý.

Ngoài ra, tại khoản 2 Điều 48 của luật công chứng 2014 quy định: *Việc điểm chỉ được thay thế việc ký trong trường hợp người yêu cầu công chứng, người làm chứng, người phiên dịch không ký được do khuyết tật hoặc không biết ký, khi điểm chỉ, người yêu cầu công chứng, người làm chứng, người phiên dịch sử dụng ngón trỏ phải nếu không điểm chỉ được bằng ngón trỏ phải thì điểm chỉ bằng ngón trỏ trái; trường hợp không thể điểm chỉ bằng hai ngón trỏ đó thì điểm chỉ bằng ngón khác và phải ghi rõ việc điểm chỉ đó bằng ngón nào, của bàn tay nào, trong khi theo giấy vay tiền thể hiện tôi vừa ký vừa điểm chỉ giống*

như hợp đồng sang nhượng đất mà ông A và bà H1 nhờ đứng tên tại văn phòng công chứng Phạm Đình T là không đúng.

Đồng thời vi phạm quy định về hành vi bị nghiêm cấm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 7 Luật công chứng năm 2014, đó là: *Công chứng hợp đồng, giao dịch, bản dịch có liên quan đến tài sản, lợi ích của bản thân mình hoặc của những người thân thích là vợ chồng; cha mẹ đẻ; cha mẹ nuôi; cha mẹ đẻ; cha mẹ nuôi của vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, ông, bà; anh chị em ruột, anh chị em ruột của vợ hoặc chồng; cháu là con của con đẻ, con nuôi.* Vì bà H là vợ của ông Phạm Đình T, trưởng văn phòng công chứng Phạm Đình T nên họ đang lợi dụng pháp luật để thực hiện hành vi lừa đảo nhằm mục đích trục lợi.

Tại phiên tòa bà H cho rằng tôi điền vào mẫu giấy vay tiền nhưng thực tế giấy vay tiền là bản in sẵn, bà H cũng không ký tên, lời khai của bà H về việc cho vay tiền, giao tiền cho tôi là mâu thuẫn.

Từ những nội dung trên, các chứng cứ mà tôi cung cấp cho Tòa án tôi đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện theo đơn khởi kiện của bà H vì tôi không vay tiền hay nhận tiền từ bà H, bà H đã có hành vi lừa đảo đối với tôi.

***Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ngọc Đ trình bày:***

Bà Đ là vợ ông S, bà Đ thống nhất với những nội dung mà ông S đã trình bày, thực tế vợ chồng tôi chỉ đến Văn phòng công chứng Phạm Đình T để ký các văn bản làm thủ tục đứng tên đất giúp cho bà H1 là chủ xưởng gỗ nơi ông S làm việc, bà Đ không ký giấy vay tiền, ông S không vay, không nhận tiền vay như bà H trình bày, do đó bà Đ không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H, ngoài ra thì việc vay với số tiền lớn như vậy mà không có sự đồng ý hay ký giấy vay của bà Đ là không đúng quy định của pháp luật. Không có việc bà H cho ông S vay tiền, đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

***Quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Đình T đại diện Văn phòng công chứng Phạm Đình T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:***

Ngày 10/4/2019 tại Văn phòng công chứng Phạm Đình T, công chứng viên Nguyễn Đăng T1 là công chứng viên thuộc Văn phòng Công chứng Phạm Đình T có chứng thực chữ ký của ông Trần Văn S trong giấy vay tiền đề ngày 10/4/2019, ông S đã đọc, cam đoan hiểu, tự chịu trách nhiệm về nội dung của giấy vay tiền đã điểm chỉ, ký tên vào giấy vay tiền trước mặt công chứng viên thuộc Văn Phòng công chứng Phạm Đình T.

Việc chứng thực chữ ký trong giấy vay tiền đã được thực hiện đúng trình tự, thủ tục, quy định của pháp luật, trong quá trình giải quyết vụ án, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đã ban hành kết luận giám định số 38/KLGD-PC09 ngày 09/4/2021, xác định chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền là của ông Trần Văn S. Vì vậy, việc ông S không thừa nhận chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền trên là không đúng, đề nghị Tòa án giải quyết sự việc theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra do công việc nên Văn phòng công chứng Phạm Đình T không có thời gian tham gia vào quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy, Văn phòng công chứng Phạm Đình T xin vắng mặt trong các buổi làm việc tại Tòa án.

Tại thông báo số 08/TB-CC ngày 19/11/2022 của văn phòng công chứng Phạm Đình T trả lời sau khi nhận được Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 09/2022/QĐ-CCTLCC của Tòa án đã trả lời: Dữ liệu camera ghi hình vào ngày 10/4/2019 đã quá lâu, không còn tồn tại trên hệ thống lưu trữ thông tin của văn phòng. Vậy văn phòng công chứng phạm Đình thảo thông báo đến Tòa án nội dung trên là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

***Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đăng T1 trình bày:***

Vào ngày 10/4/2019 tại trụ sở Văn phòng công chứng Phạm Đình T tôi có chứng thực chữ ký của ông Trần Văn S trong giấy vay tiền ngày 10/4/2019. Tại thời điểm thực hiện việc chứng thực chữ ký, ông S hoàn toàn đầy đủ năng lực hành vi dân sự, ông S đã đọc, cam đoan tự hiểu, tự chịu trách nhiệm về nội dung giấy vay tiền và đã điểm chỉ, ký và ghi rõ họ tên vào giấy vay tiền trước mặt tôi.

Việc chứng thực chữ ký trong giấy vay tiền đã được thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 5 Luật công chứng năm 2014 thì giá trị pháp lý của văn bản công chứng có hiệu lực từ ngày được công chứng viên ký và đóng dấu của tổ chức hành nghề công chứng. Đồng thời hợp đồng giao dịch đã được công chứng có giá trị chứng cứ và những tình tiết, sự kiện trong hợp đồng, giao dịch được công chứng không phải chứng minh. Từ căn cứ trên tôi đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Ông T1 có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án.

***Quá trình giải quyết vụ án người làm chứng ông Lương Ngọc H3 trình bày:***

Theo lời khai tại cơ quan điều tra công an huyện Krông Búk, ông H3 đã trình bày: Năm 2019, tôi có bán cho ông S thửa đất số 85, tờ bản đồ số 156, địa chỉ tại Buôn Kđrô 1, xã CN, huyện B1. Ngày 26/3/2019 tôi có đi thăm thửa đất thì gặp anh Trần Văn S làm xưởng gỗ kế bên đất tôi, khi biết tôi là chủ nhân mảnh đất thì ông S có ngỏ ý và muốn mua lại mảnh đất thì tôi đồng ý. Hai bên thỏa thuận bán với giá là 320.000.000 đồng, tương đương 32.000.000 đồng/m ngang, do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp ở ngân hàng nên ông S đưa trước cho tôi 200 triệu đồng để trả tiền ngân hàng và lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về, ngày 28/3/2019 sau khi lấy giấy chứng nhận về thì tôi cùng vợ là Hoàng Thị L đi cùng vợ chồng ông S đến văn phòng công chứng Phạm Đình T để lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 85, tờ bản đồ số 156 cho ông S, ông S cũng trả số tiền còn lại là 120.000.000 đồng cho tôi và tôi đưa giấy chứng nhận cho ông S, từ đó đến nay tôi không gặp ông S thêm lần nào nữa, cả quá trình bàn bạc đến khi thực hiện giao dịch thì tôi chỉ làm việc với ông S không có ai khác tham gia.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông H3 xác định không có giao dịch mua bán đất với ông S, bà Đ mà người đứng ra mua đất và giao tiền cho ông là người khác, theo như hình ảnh ông S cung cấp tại Tòa án cho rằng đó là anh A thì ông H3 xác định chính là người tên A đã thực hiện việc sang nhượng với ông H3, không phải ông S, bà Đ. Thực tế khi đến Văn phòng công chứng ký xong thủ tục thì ông H3 đi về còn ai ký bên người mua đất thì ông H3 không biết rõ. Ngoài ra ông H3 không biết việc ông S có vay tiền của bà H.

***Người làm chứng anh Võ Tiến T2 trình bày:***

Anh T2 cho rằng giữa anh T2 và ông S, bà Đ, bà H không có quan hệ gì. Anh T2 xác định không có việc mua bán đất với ông S, bà Đ. Thửa đất anh bán là ở thị xã B, trên đất có nhà cấp 4, chiều ngang 5m, chiều dài 30m. Số tiền bán nhà đất là 330.000.000 đồng do người tên A đưa, chỉ biết mua bán với anh A (hay là Dũng) thực tế không biết là tên đúng là gì, địa chỉ ở đâu, khi nhận đủ tiền thì anh đến Văn phòng công chứng Phạm Đình T làm thủ tục chuyển nhượng nhưng không biết ai là người đứng tên ký hợp đồng chuyển nhượng, việc chuyển nhượng đã thực hiện xong. Anh T2 không biết việc ông S có vay tiền hay được anh A nhờ vay tiền từ bà H, chỉ tình cờ gặp ông S khi chuyển đồ ra khỏi nhà đất đã bán tại thị xã Buôn Hồ.

***Người làm chứng anh Nguyễn Văn K1 trình bày:***

Tôi có quen biết ông S trong thời gian làm việc tại xưởng cưa ở Buôn Kđrô 2, xã CN, của anh A, bà H1 khoảng đầu tháng 2/2019, sau đó khoảng một thời gian ngắn thì trong lúc ngồi ăn cơm tôi có nghe ông A, bà H1 nói nhờ ông S

đứng tên dùm cho miếng đất. Mấy ngày sau thấy ông A chở ông S đi ký giấy tờ gì đó, tôi chỉ nghe vậy chứ không nghe đề cập gì đến khoản nợ nào cả. Vì tôi đi làm đều đặn nên tôi nhớ ngày 10/4/2019 ông S có đi làm với chúng tôi tại xưởng cưa từ lúc 07 giờ sáng đến 17 giờ chiều.

Tại phiên tòa anh K1 trình bày, tháng 4 năm 2019 thì anh K1 đi làm tại xưởng gỗ của anh A, chị H1, không nghỉ ngày nào, nhưng về chi tiết, cụ thể từng ngày thì không nhớ rõ. Theo anh K1 thì trong tháng 4 ông S đi làm không nghỉ ngày nào, còn việc ông S có vay tiền của ai hay không thì anh K1 không biết.

***Người làm chứng anh Nguyễn Khắc Thành trình bày:***

Tôi và ông S có quen biết nhau từ nhỏ, vào khoảng thời gian đầu tháng 3 năm 2019 ông S có rủ tôi đi làm cùng tại xưởng gỗ của ông A và bà H1, trong thời gian làm có một số người làm cùng là anh K1, ông C1, ông T4, ông N, thời điểm đó nhiều việc nên ngày nào chúng tôi cũng đi làm, được một thời gian vào bữa ăn trưa thì có nghe ông A, bà H1 có nhờ ông S đứng tên giùm miếng đất vì bà H1 đứng tên nhiều sợ bị mọi người nhòm ngó, được vài hôm thì có thấy ông A, bà H1 chở ông S đi ký giấy tờ đất đai gì đó, vì đi làm cùng nhau nên tôi có biết ông S đứng tên giúp một miếng đất, chứ không thấy đề cập tới khoản nợ nào. Đến tháng 4/2019 chúng tôi vẫn đi làm với nhau như mọi ngày nên tôi nhớ ngày 10/4/2019 ông S có làm việc tại xưởng của ông A, bà H1, từ sáng đến 5 giờ chiều. Việc ông S có vay mượn tiền ai hay không thì tôi không biết.

***Người làm chứng ông Hoàng Công C1 trình bày:***

Ngày 09 tháng 4 năm 2019 tôi có đi sửa cửa ở chùa TV ở xã E, thị xã B, ngày 10/4 tôi làm tại xưởng của anh Dũng (A) cùng các thợ trong đó có anh Trần Văn S, thời gian cả ngày, ngoài ra tôi không biết gì thêm.

Quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng chị H1, anh A không có mặt tại địa phương nên không thể triệu tập, nên không ghi nhận được ý kiến.

*Tại bản án sơ thẩm số: 04/2023/DSST ngày 10/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:*

- Các Điều 357, 463 và khoản 1, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

- Điều 144, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Diệu H về việc yêu cầu bị đơn anh Trần Văn S có nghĩa vụ trả tổng số tiền 831.570.000 đồng, trong đó nợ gốc 600.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 10/4/2019 đến ngày xét xử xong vụ án (ngày 10/02/2023) là 231.570.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/02/2023 nguyên đơn bà Trần Thị Diệu H kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Trần Văn S phải trả cho bà H tổng số nợ gốc là 600.000.000 đồng và lãi suất phát sinh từ ngày 10/4/2019 đến ngày xét xử xong vụ án.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện và nội dung kháng cáo. Bị đơn, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn và người liên quan Nguyễn Thị Ngọc Đ đề nghị Toà án cấp phúc thẩm không chấp nhận nội dung khởi kiện và nội dung kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Sửa bản án sơ thẩm số: 04/2023/DSST ngày 10/2/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện. Chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Diệu H.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Diệu H làm trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Trần Thị Diệu H khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn S phải trả cho bà H tổng số tiền gốc là 600.000.000đ và lãi phát sinh là 1,5%/tháng tính từ ngày 10/4/2019 đến ngày xét xử xong vụ án, kèm theo yêu cầu khởi kiện thì bà H đã nộp cho Tòa án “Giấy vay tiền” đề ngày 10/4/2019 thể hiện ông S vay của bà H

số tiền gốc 600.000.000đ, thời hạn vay là 15 ngày kể từ ngày ký và nhận tiền theo giấy vay tiền, mục đích vay là nhận chuyển nhượng QSD đất, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận (bút lục 35). Tại Kết luận giám định số 38/KLGD-PC09 ngày 09 tháng 4 năm 2021, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đã kết luận *chữ ký, chữ viết mang tên Trần Văn S trên tài liệu cần giám định là Giấy vay tiền ngày 10/4/2019, ký hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Trần Văn S trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 đến M10 là do cùng một người ký và viết ra nên có cơ sở xác định ông S đã ký vào giấy vay tiền ngày 10/4/2019. Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của bà H yêu cầu tính lãi từ ngày 10/4/2019 đến ngày xét xử xong vụ án, mức lãi suất là 10%/năm.*

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Văn S cho rằng không vay tiền, không nhận số tiền 600.000.000 đồng từ bà Trần Thị Diệu H, mà cho rằng khoảng tháng 4/2019 trong hai ngày khác nhau vợ chồng bị đơn có đến Văn phòng công chứng Phạm Đình T để ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất do ông A, bà H1 nhờ đứng tên trong giấy chứng nhận sử dụng đất, chứ không ký giấy tờ có nội dung vay tiền như bà H trình bày và cho rằng khi ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Văn phòng công chứng Phạm Đình T là Văn phòng công chứng của chồng bà H, nên ông Nguyễn Đăng T1 là công chứng viên của văn phòng công chứng Phạm Đình T lừa ông S bằng cách lồng giấy vay tiền trong hợp đồng chuyển nhượng đất, vì ông S không đọc nội dung nên ông S đã ký vào giấy vay tiền.

Qua xem xét việc chuyển nhượng 02 thửa đất nêu trên cụ thể thửa đất số 85, tờ bản đồ số 156, địa chỉ tại Buôn Kđrô 1, xã CN, huyện B1 được ký kết hợp đồng vào ngày 28/3/2019 và thửa đất số 115, tờ bản đồ số 4, diện tích 113,9m<sup>2</sup>, địa chỉ đất tại phường AN, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk được ký kết hợp đồng ngày 02/4/2019, tại Văn phòng công chứng Phạm Đình T. Hai hợp đồng trên đều do Công chứng viên Phạm Đình T chứng nhận. Giấy vay tiền ngày 10/4/2019, thể hiện ông Trần Văn S vay của bà Trần Thị Diệu H số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng). Mặt khác, giấy vay tiền nêu trên có nội dung: *“Tôi đã nhận đủ số tiền vay là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) từ bà H và coi đây là giấy biên nhận đã nhận đủ tiền vay”* Người vay tiền là ông S đã ký và ghi rõ họ tên và điểm chỉ. Được Công chứng viên Nguyễn Đăng T1 văn phòng Công chứng Phạm Đình T chứng thực; Số chứng thực 147 quyền số 04/2019 – SCT/CK, CD.

Việc chứng nhận 02 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và chứng thực nội dung “Giấy vay tiền” vào các ngày khác nhau tại phòng Công chứng Phạm Đình T. Do vậy, không có cơ sở xác định Công chứng viên Nguyễn Đăng

T1 và bà H lồng giấy vay tiền vào thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất để lừa ông Trần Văn S ký vào giấy vay tiền.

Hơn nữa, việc ông S cho rằng 02 thửa đất trên do bà H1, ông A nhờ đứng tên. Sau khi được chỉnh lý biến động sang tên cho ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị Ngọc Đ trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai thửa đất nêu trên bà H1 và ông A lại tiếp tục nhờ vợ chồng ông S vay Ngân hàng số tiền 700.000.000 đồng. Qua các tài liệu chứng cứ xác định: Ngày 13/5/2019, ông S, bà Đ ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 241196411/TC/BH cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Hòa Thuận Bắc Đắc Lắc (gọi tắt là Ngân hàng) để vay số tiền 700.000.000 đồng. Quá hạn trả nợ ông S, bà Đ không trả được nợ nên Ngân hàng khởi kiện. Tại biên bản hòa giải thành ngày 04/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, ông S, bà Đ thừa nhận thế chấp hai thửa đất cho ngân hàng để vay số tiền trên nhưng do hoàn cảnh khó khăn không trả được nợ cho Ngân hàng nên đồng ý phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[2.3] Xét lời khai người làm chứng là ông C1, anh K1, anh T3 đều xác định vào ngày 10/4/2019 ông S có mặt làm việc tại xưởng gỗ tại Buôn Kđrô 2, xã CN, có mặt làm việc tại xưởng từ 07 giờ sáng đến 17 giờ chiều. Tuy nhiên, quá trình làm việc tại xưởng gỗ, thời gian làm việc đã lâu. Mặt khác khi làm việc tại xưởng gỗ cũng không có bản chấm công nên không có cơ sở xác định ngày 10/4/2019 là ông S có mặt tại xưởng và không tiến hành việc ký kết giấy vay tiền tại Văn phòng công chứng như ông S trình bày.

[2.4] Đối với chị Đ là vợ anh S, quá trình giải quyết vụ án bà H có lời khai yêu cầu chị Đ cùng có nghĩa vụ trả nợ với anh S, tuy nhiên bà H đã rút lại yêu cầu đối chị Đ nên không xem xét là phù hợp.

[3] Từ những phân tích và nhận định trên, HĐXX phúc thẩm xét thấy có căn cứ xác định có việc ông Trần Văn S đã vay của bà Trần Thị Diệu H số tiền 600.000.000 đồng (*Sáu trăm triệu đồng*). Do vậy cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Buộc ông Trần Văn S phải trả cho bà Trần Thị Diệu H số tiền gốc là 600.000.000 đồng (*Sáu trăm triệu đồng*) và số tiền lãi tính từ ngày 10/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 10/02/2023) là 1.395 ngày, được tính là  $(600.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 1.395 \text{ ngày}) : 30 \text{ ngày} = 231.570.000 \text{ đồng}$ .

Tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 10/02/2023 là **831.570.000 đồng** (*Tám trăm ba mươi một triệu, năm trăm bảy mươi nghìn đồng*) là phù hợp quy định tại các Điều 357, 463 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015

[4] Về chi phí tố tụng và án phí :

[4.1] Về chi phí tố tụng: Ông Trần Văn S phải chịu chi phí giám định chữ ký, chữ viết số tiền 5.670.000 đồng, bà Trần Thị Diệu H được nhận lại số tiền 5.670.000 đồng sau khi thu được của ông Trần Văn S.

[4.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Diệu H được chấp nhận đơn nên bị đơn ông Trần Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 36.947.100 đồng (Ba mươi sáu triệu, chín trăm bốn mươi bảy nghìn một trăm đồng). Bà Trần Thị Diệu H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp.

[4.3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do được chấp nhận đơn kháng cáo nên bà Trần Thị Diệu H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí DSPT đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 308 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Diệu H.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DSST ngày 10/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Điều luật áp dụng:

Căn cứ Điều 357, 463 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 147, Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26; Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3] **Tuyên xử:**

[3.1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Diệu H về việc yêu cầu bị đơn ông Trần Văn S có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Diệu H tổng số tiền **831.570.000 đồng** (*Tám trăm ba mươi một triệu, năm trăm bảy mươi nghìn đồng*). Trong đó: Số tiền nợ gốc là: 600.000.000 đồng. Nợ lãi tính từ ngày 10/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 10/02/2023 là 231.570.000 đồng.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu*

*khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

[3.2]. Về chi phí tố tụng: Ông Trần Văn S phải chịu chi phí giám định chữ ký, chữ viết số tiền 5.670.000 đồng, bà Trần Thị Diệu H được nhận lại số tiền 5.670.000 đồng sau khi thu được của ông Trần Văn S.

[3.2]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 36.947.100 đồng (*Ba mươi sáu triệu, chín trăm bốn mươi bảy nghìn một trăm đồng*).

Bà Trần Thị Diệu H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền 17.240.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/0011700 ngày 21/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B1.

[3.3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Diệu H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0000278 Ngày 20/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B1, tỉnh Đắk Lắk.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện B;
- Chi cục THA huyện B1;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Đinh Thị Tuyết**